

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 161/2006/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Đắk Nông đến năm 2020****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 1697/TTr-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2005 và Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2006;

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1533/ BKH-TĐ&GSĐT ngày 10 tháng 3 năm 2006 về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm phát triển

Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước; bảo đảm mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đặc biệt là xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo công bằng xã hội và đoàn kết dân tộc; giữa phát

triển sản xuất và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; giữa phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh, quốc phòng; giữa phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm và tỷ trọng hàng hóa; nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phân đầu đưa thu nhập bình quân đầu người tương đương mức thu nhập bình quân của vùng Tây Nguyên và cả nước.

Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh, huy động tối đa nội lực và thu hút các nguồn lực bên ngoài.

Đầu tư phát triển toàn diện và hoàn thành cơ bản kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Phát triển giáo dục, nâng cao dân trí, tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, dạy nghề cho người lao động.

II. Mục tiêu phát triển chủ yếu

1. Về kinh tế

- Tăng trưởng GDP thời kỳ 2006 - 2010 đạt mức bình quân 15,63%/năm (trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng 45,22%, nông nghiệp tăng 5,67%, dịch vụ tăng 17%); thời kỳ 2011 - 2015 đạt mức bình quân 16% (trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng 25%, nông nghiệp tăng 5,0%, dịch vụ tăng 17,66%); thời kỳ 2016 - 2020 đạt mức bình quân 15,6% (trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng 20%, nông nghiệp tăng 4,5%, dịch vụ tăng 15,68%).

- Cơ cấu kinh tế chuyển đổi mạnh theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Đến năm 2015, cơ cấu kinh tế của tỉnh là công nghiệp - dịch vụ - nông, lâm nghiệp. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP tăng từ 17,8% năm 2005 lên 48,6% năm 2010, lên 60,3% năm 2015 và lên 66,3% vào năm 2020. Tỷ trọng khu vực dịch vụ đạt 22,5% năm 2010, 22,8% năm 2015 và 23,8% năm 2020. Tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu GDP đến năm 2010 là 28,9%, đến năm 2015 là 16,9% và đến năm 2020 giảm xuống còn khoảng 9,9%.

- GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 14,3 triệu đồng, năm 2015 đạt 30,4 triệu đồng, năm 2020 đạt 66 triệu đồng. Rút ngắn khoảng cách so với cả nước về GDP/người từ 58% so với cả nước vào năm 2005 lên 90% vào năm 2010 và 163% vào năm 2020.

2. Về xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,7% vào năm 2010, 1,1 - 1,2% vào năm 2020. Tỷ lệ dân số thành thị chiếm 25% vào năm 2010, 28% năm 2015 và 36% năm 2020.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 15 - 16% vào năm 2010 và bằng mức bình quân cả nước vào năm 2020. Đưa tỷ lệ hộ nghèo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ngang mức bình quân chung của tỉnh.

- Đến năm 2010: giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 22%; 85% dân số được sử dụng nước sạch; có 6 bác sĩ/một vạn dân. Đến năm 2020: giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống còn 10%; 100% dân số được sử dụng nước sạch; có 8 bác sĩ/một vạn dân.

- Đến năm 2010 hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, 30% dân số trong độ tuổi được phổ cập trung học phổ thông và 50% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia. Năm 2020 có 75% dân số trong độ tuổi phổ cập trung học phổ thông và 80% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

- Đến năm 2010 có 80% gia đình; 60% thôn, buôn; 90% cơ quan, đơn vị và 30% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn văn hóa. Đến năm 2020 có 100% gia đình, 80% thôn, buôn, 100% cơ quan, đơn vị và 60% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Hoàn chỉnh hệ thống phòng thủ, tiếp tục xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, đảm bảo trật tự an toàn xã hội và đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa.

III. Định hướng phát triển ngành và lĩnh vực

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh, tập trung với gia tăng các giống cây chịu hạn, ít dùng nước, đảm bảo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Tập trung phát triển các cây trồng như cao su, điều, hồ tiêu, cây ăn quả, ngô lai và một số cây khác như ca cao, bông, mía, sắn, đậu nành, đậu tằm.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi đại gia súc như trâu, bò, dê. Từng bước phát triển chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, tập trung theo trang trại. Khuyến khích các thành phần kinh tế cải tạo ao, hồ, diện tích mặt nước để nuôi trồng thủy sản.

Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ cho sản xuất, coi đây

là khâu đột phá quan trọng nhất để nâng cao hiệu quả và thu nhập của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và ngành nghề nông thôn. Tăng cường liên kết với các cơ quan nghiên cứu khoa học, đồng thời, củng cố và phát triển hệ thống các trạm, trại, trung tâm chuyên giao kỹ thuật, nhằm thử nghiệm và đưa vào sản xuất đại trà các loại cây trồng, vật nuôi cho năng suất và chất lượng cao. Tăng cường công tác khuyến nông, thú y.

Ưu tiên và tăng cường đầu tư cho thủy lợi, xây thêm một số công trình hồ đập, đảm bảo chủ động nước cho sản xuất nông nghiệp và tăng hệ số sử dụng đất.

Phát triển các ngành, nghề thủ công và các loại dịch vụ phục vụ nông nghiệp.

Chú trọng tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản. Khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua các hợp đồng, ổn định vùng nguyên liệu của các nhà máy chế biến nông sản. Tạo mối liên kết chặt chẽ giữa "bốn nhà": Nhà nông - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp và Nhà nước.

Đến năm 2010 trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, tỷ trọng ngành trồng trọt giảm xuống còn 84,5%, chăn nuôi tăng lên 10,2%, dịch vụ chiếm 5,3%; đến năm 2020, tỉ lệ các ngành trên tương ứng là 77,8%, 16,3% và 5,9%.

Bảo vệ và phát triển tốt diện tích rừng hiện có, đặc biệt là các khu rừng phòng hộ xung yếu, các khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung, Tà Đùng, thắng cảnh Dray Sáp. Kết hợp giữa bảo vệ rừng với khoanh nuôi tái sinh rừng và làm giàu rừng tự nhiên.

Đẩy mạnh trồng rừng, tập trung phát triển rừng nguyên liệu. Chuyển diện tích rừng nghèo kiệt, rừng sản xuất kém hiệu quả sang trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, nâng cao độ che phủ của rừng lên 61% vào năm 2020.

2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Tập trung đầu tư, phát triển có chọn lọc các ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh, phù hợp với nhu cầu thị trường và đảm bảo yêu cầu về môi trường. Duy trì tốc độ phát triển cao đi đôi với nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất. Trước mắt, tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản cho thị trường trong nước và xuất khẩu; phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình thủy điện.

Triển khai thực hiện các dự án đầu tư khai thác bô - xít, luyện alumin, tạo ra bước đột phá trong phát triển công nghiệp, kinh tế - xã hội của tỉnh.

Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu, chủ động

hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng và thực hiện chính sách thu hút đầu tư vào khu công nghiệp Tâm Thắng, các cụm công nghiệp Nhân Cơ, Đắk Ha.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển công nghiệp.

Khuyến khích phát triển công nghiệp vừa và nhỏ, phát triển tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề ở nông thôn, nhất là các làng nghề truyền thống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Hình thành các điểm công nghiệp, các làng nghề tại các thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã.

3. Thương mại, dịch vụ

- Về thương mại: phát triển thương mại theo hướng khai thác và phục vụ tốt thị trường nội tỉnh kết hợp đẩy mạnh lưu thông hàng hóa và giao lưu kinh tế với các tỉnh trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh, thành phía Nam và miền Trung. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa, phấn đấu tăng kim ngạch xuất khẩu hàng năm trên 10%.

Tập trung phát triển mạnh kết cấu hạ tầng thương mại, trong đó chú trọng nâng cấp và mở rộng mạng lưới chợ nông thôn, từng bước xây dựng và kiên cố hóa các trung tâm thương mại, dịch vụ ở các trung tâm huyện, trung tâm cụm xã, tiểu vùng. Trước mắt, xây dựng chợ Gia Nghĩa thành Trung tâm thương mại, dịch vụ của tỉnh, có quy mô hiện đại.

Phát triển mạnh kinh tế cửa khẩu. Hình thành hai khu kinh tế cửa khẩu Bu Prăng và Đắk Per theo quy hoạch.

- Về dịch vụ

Nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng, bưu chính - viễn thông, vận tải. Đẩy mạnh các loại hình dịch vụ chuyên giao công nghệ, khuyến nông, khuyến lâm.

Khuyến khích đầu tư tăng năng lực vận tải về quy mô và chất lượng, đảm bảo nhu cầu đi lại của nhân dân và vận chuyển hàng hóa cho nền kinh tế.

Phát triển các loại hình dịch vụ văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng. Mở rộng mạng lưới dịch vụ ở khu vực nông thôn nhằm tạo thêm việc làm cho người lao động.

- Về du lịch

Phát triển du lịch gắn với văn hóa dân tộc, cảnh quan thiên nhiên của tỉnh, kết hợp với hình thành các tuyến du lịch liên kết với các tỉnh Tây Nguyên và vùng miền Trung. Nghiên cứu việc mở tuyến du lịch quốc tế Phnôm Pênh - Đắk Nông - thành phố Hồ Chí Minh.

Tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái - văn hóa - cảnh quan; xây dựng các làng văn hóa du lịch của đồng bào M'Nông, đồng bào Mạ; nghiên cứu để bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống tốt đẹp của tỉnh.

Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch như giao thông, điện, cấp nước. Xây dựng theo quy hoạch các cơ sở lưu trú, nhà hàng, khách sạn.

4. Bảo vệ môi trường sinh thái và phòng, chống thiên tai

Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường; khuyến khích sử dụng các chế phẩm, công nghệ sản xuất ít gây ô nhiễm. Xử lý tốt vấn đề rác thải, nâng cao nhận thức của người dân trong việc phòng, chống cháy rừng, xây dựng đô thị xanh, sạch, đẹp. Phòng tránh và hạn chế thiên tai bằng giải pháp xây dựng các công trình điều tiết kết hợp đồng bộ với các giải pháp khác. Tập trung bảo vệ tài nguyên đất, rừng, nước, khoáng sản, bảo vệ các danh lam thắng cảnh tự nhiên có ý nghĩa du lịch.

5. Định hướng phát triển các lĩnh vực xã hội

a) Dân số, lao động, việc làm và giảm nghèo

Thực hiện tốt Chương trình quốc gia về phát triển dân số và kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ sinh hàng năm từ 1 - 1,1‰. Từng bước phân bố lại dân cư trên các địa bàn để phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh biên giới. Nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 85 - 90%.

Mỗi năm đào tạo trên 3.000 lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật các cấp bậc. Nâng tỷ lệ lao động được đào tạo kỹ thuật trong tổng lao động xã hội lên 20% năm 2010 và lên 30% vào năm 2020.

Tiếp tục thực hiện các chương trình xóa đói, giảm nghèo. Nâng dần mức sống của các hộ đã thoát nghèo, chống tái nghèo. Phấn đấu giảm bình quân hàng năm từ 5 - 7% số hộ nghèo.

b) Giáo dục và đào tạo

Đến năm 2010 hoàn thiện hệ thống giáo dục mầm non đến tất cả các xã; 100% các trường học được xây dựng kiên cố; duy trì phổ cập tiểu học và chống tái mù chữ trên toàn tỉnh.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục và đào tạo, khuyến khích thành lập các cơ sở ngoài công lập. Thành lập trường Cao đẳng cộng đồng, trung học chuyên nghiệp và một số cơ sở dạy nghề.

c) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Đến năm 2010 phấn đấu 80% số xã đạt "chuẩn quốc gia về y tế", đạt 6 bác sĩ/1 vạn dân và 15 giường bệnh/1 vạn dân; tiêm chủng mở rộng cho 100% số trẻ em trong độ tuổi.

Đến năm 2020 có 8 bác sĩ/1 vạn dân và 18 giường bệnh/1 vạn dân, 100% số xã đạt "chuẩn quốc gia về y tế".

Đẩy mạnh xã hội hóa ngành y tế, khuyến khích mở bệnh viện, phòng khám tư nhân, bác sĩ gia đình, cơ sở khám, chữa bệnh cao cấp. Đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế. Từng bước chuyển các bệnh viện công lập sang hoạt động theo cơ chế cung ứng dịch vụ.

d) Văn hóa, thông tin, tuyên truyền, thể dục - thể thao

Chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên, gắn bảo tồn với phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh phong trào toàn dân xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, xây dựng làng văn hóa. Xây dựng mỗi xã có điểm sinh hoạt văn hóa và một số điểm văn hóa liên vùng, liên xã.

Phát triển mạng lưới thông tin, phát thanh, truyền hình, báo chí đến các xã, thị trấn, buôn, làng. Tăng cường đầu tư hạ tầng cho ngành văn hóa thông tin, các đài phát thanh, truyền hình của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2010 có 100% số xã có trạm truyền thanh, 100% số xã được phủ sóng phát thanh, sóng truyền hình.

Xây dựng và phát triển phong trào thể dục - thể thao đến tận cơ sở, đẩy mạnh phong trào thể dục - thể thao quần chúng. Tiến hành quy hoạch và xây dựng các điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao, sân vận động trên địa bàn. Xây dựng Trung tâm thể thao của tỉnh tại thị xã Gia Nghĩa.

6. Quốc phòng, an ninh

Bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững trật tự an toàn xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

Xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, ổn định lâu dài với tỉnh Mondulkiri (Vương quốc Campuchia). Quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng đi đôi

với bố trí lại dân cư theo hướng gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh trên tuyến biên giới.

7. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Mạng lưới giao thông

Đến năm 2020 xây dựng được mạng lưới giao thông liên hoàn, thuận tiện cho vận chuyển hàng hóa và nhu cầu đi lại của nhân dân.

- Xây dựng, nâng cấp các tuyến quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh: đường Hồ Chí Minh (giai đoạn II); quốc lộ 14, quốc lộ 14C, quốc lộ 28.

- Đối với các tuyến tỉnh lộ, huyện lộ: đến năm 2010, nhựa hóa toàn bộ mặt đường với quy mô đường cấp 4 cho 2 làn xe và kiên cố hóa cầu cống trên tất cả các tuyến. Nâng cấp, cải tạo toàn tuyến tỉnh lộ 4 và xây dựng đoạn nối tỉnh lộ 4 với quốc lộ 28. Nâng cấp một số tuyến đường huyện đủ tiêu chuẩn thành tỉnh lộ.

Nâng cấp đoạn đường ra cửa khẩu Bu Prăng và cửa khẩu Đắc Per; nâng cấp các tuyến tỉnh lộ nối ra biên giới, hình thành các tuyến đường ngang nối thông các quốc lộ 14, 14C, 27, 28. Mở một số tuyến đường qua các huyện mới, nối các huyện trong tỉnh với các vùng lân cận.

- Đường xã: đến năm 2020, có đường ô tô thông suốt cả 2 mùa đến tất cả các xã. Đường đến trung tâm xã được trải nhựa hoặc bê tông.

- Giao thông đô thị: tập trung đầu tư quy hoạch và xây dựng mạng lưới giao thông thị xã Gia Nghĩa; đến năm 2010 trải nhựa 100% mặt đường thị xã, lát vỉa hè và thoát nước hoàn chỉnh. Các đoạn quốc lộ, tỉnh lộ qua các thị trấn được mở rộng 4 làn xe. Xây dựng bến xe khách, xe tải, quy hoạch các điểm đỗ xe công cộng.

b) Xây dựng mạng lưới điện

Mở rộng mạng lưới điện, đặc biệt đến các vùng nông thôn. Xây dựng một số công trình thủy điện. Đến năm 2020 có 100% số hộ được sử dụng điện. Đầu tư xây dựng trạm biến áp trung gian ở các huyện. Cải tạo lưới điện thị xã Gia Nghĩa và các thị trấn huyện lỵ, xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị.

c) Xây dựng thủy lợi

Tập trung xây dựng các công trình hồ chứa nước trên các sông, suối để chủ động điều tiết nước; xây dựng các trạm bơm ven các sông lớn. Ưu tiên xây dựng cụm hồ trung tâm thị xã Gia Nghĩa, các hệ thống thủy lợi Đắc Rồ - Krông Nô, Đắc Dier - Cư Jút và các công trình thủy lợi nhỏ thuộc lưu vực suối Đa Nông, cụm thủy lợi

nhỏ liên huyện Krông Nô - Cư Jút; phấn đấu đến năm 2010 đảm bảo đủ nước tưới cho hơn 60% và năm 2020 cho hơn 80% diện tích có nhu cầu tưới.

d) Mở rộng hệ thống cấp nước sạch

Phấn đấu đến năm 2020 đảm bảo 100% dân số được dùng nước sạch. Nâng công suất nhà máy nước thị xã Gia Nghĩa lên 25.000 m³/ngày đêm. Xây dựng một số nhà máy nước cho các thị trấn huyện lỵ hiện nay chưa có. Đối với nước sinh hoạt nông thôn, lắp đặt hệ thống khai thác và xử lý để đạt tiêu chuẩn nước sạch.

đ) Phát triển công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông

Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng "đi tắt, đón đầu". Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện "Chính phủ điện tử", "giao dịch thương mại điện tử".

Hiện đại hóa mạng lưới bưu chính - viễn thông. Từng bước tự động hóa, số hóa, đồng bộ hóa mạng lưới thông tin và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ. Phát triển mạng lưới bưu chính - viễn thông rộng khắp đến các vùng trong Tỉnh. Phấn đấu đến năm 2010, 100% số xã có bưu cục, bình quân 7 - 8 máy điện thoại/100 dân; đến năm 2020 khoảng 15 máy/100 dân.

IV. Định hướng phát triển theo lãnh thổ

1. Định hướng quy hoạch địa giới hành chính

- Trước năm 2010

+ Tách huyện Đắk R'Lấp thành huyện Đắk R'Lấp và huyện Tuy Đức.

- Sau năm 2010

+ Tách huyện Krông Nô thành huyện Krông Nô và huyện Đức Xuyên (bao gồm cả xã Quảng Sơn của huyện Đắk GLong).

+ Tách huyện Đắk Mil thành thị xã Đức Lập và huyện Đắk Mil.

+ Tách huyện Đắk R'Lấp thành thị xã Kiến Đức và huyện Đắk R'Lấp.

+ Đến năm 2020, Gia Nghĩa trở thành đô thị loại III và là thành phố trực thuộc tỉnh.

2. Định hướng phát triển đô thị

Đến năm 2020, mạng lưới đô thị tỉnh Đắk Nông gồm 13 đô thị, trong đó có 1 thành phố trung tâm tỉnh lỵ, 2 thị xã trung tâm tiểu vùng và 10 thị trấn (8 thị trấn là trung tâm huyện lỵ và 2 thị trấn là trung tâm cụm xã).

- Tập trung đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng thị xã Gia Nghĩa tương xứng với vị thế một đô thị tỉnh lỵ, có kiến trúc phù hợp với cảnh quan, văn hóa địa phương, theo mô hình đô thị xanh, sạch, đẹp, văn minh.

- Đầu tư mở rộng các thị trấn huyện lỵ đã có như thị trấn Ea T'linh, Đăk Mâm, Đăk Mil, Đăk Song và Kiến Đức. Nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng các thị trấn, nhằm hình thành và phát triển thành những đô thị trung tâm của các tiểu vùng.

- Hình thành và xây dựng một số thị trấn mới là trung tâm của các huyện mới được chia tách và một số thị trấn trung tâm cụm xã.

3. Phát triển theo các tiểu vùng

- Tiểu vùng phía Bắc: bao gồm thị xã Đức Lập, huyện Đăk Mil, Cư Jút, Krông Nô và Đức Xuyên (huyện mới).

Định hướng phát triển: thâm canh lúa nước, hình thành vùng trọng điểm lương thực của tỉnh. Phát triển cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày. Tăng cường khai thác du lịch, đẩy mạnh hoạt động thương mại, dịch vụ. Đầu tư khai thác cửa khẩu Đăk Per, mở rộng hợp tác kinh tế với các huyện biên giới Campuchia. Dự kiến thị xã Đức Lập là trung tâm tiểu vùng.

- Tiểu vùng trung tâm: bao gồm thị xã Gia Nghĩa, huyện Đăk Song và huyện Đăk GLong (mới).

Định hướng phát triển: đầu tư phát triển mạnh công nghiệp. Tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng cho các cụm công nghiệp. Xây dựng Trung tâm thương mại Gia Nghĩa và phát triển du lịch thị xã Gia Nghĩa trở thành trọng điểm du lịch của tỉnh.

- Tiểu vùng phía Nam (Tây): bao gồm thị xã Kiến Đức và các huyện Đăk R'Lấp, Tuy Đức.

Định hướng phát triển: đẩy mạnh khai thác và sử dụng hiệu quả đất, rừng. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Thu hút phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, cơ khí sửa chữa máy móc, khai thác đá, xây dựng thủy điện; phát triển thương mại, dịch vụ.

V. Các trọng điểm phát triển và các dự án ưu tiên đầu tư

- Tạo sự chuyển biến tích cực mang tính đột phá trong việc khai thác và sử dụng có hiệu quả quỹ đất nông nghiệp và lâm nghiệp; đẩy mạnh giao đất, giao rừng cho dân; tổ chức khuyến nông, khuyến lâm và hỗ trợ đồng bào tại chỗ ổn định sản xuất.

- Đẩy nhanh phát triển công nghiệp khai thác bô xít và luyện alumin. Xây dựng các nhà máy thủy điện. Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến gỗ. Đẩy mạnh phát triển kinh tế cửa khẩu.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ.

- Xây dựng đô thị Gia Nghĩa trở thành thành phố trực thuộc tỉnh vào năm 2020; nâng cấp các quốc lộ 14, 14C, 28, các tuyến tỉnh lộ và giao thông nông thôn, xây dựng các công trình thủy lợi, cấp nước sạch, hạ tầng du lịch, các khu công nghiệp.

- Các dự án ưu tiên đầu tư (Phụ lục kèm theo).

VI. Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện quy hoạch

1. Xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh:

Đẩy mạnh tiến trình cải cách hành chính, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức và phân định rõ thẩm quyền giữa các cơ quan, tăng cường kỷ luật hành chính, chống quan liêu, tham nhũng đi đôi với bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Đây là giải pháp rất quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội của các cấp chính quyền, tạo môi trường thuận lợi thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

2. Huy động vốn đầu tư

- Đối với nguồn vốn ngân sách: ngoài các nguồn vốn đầu tư cho các dự án của Trung ương trên địa bàn, tỉnh sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ để tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình thủy lợi và cấp nước sinh hoạt, mở rộng mạng lưới giao thông nông thôn, lưới điện.

- Đối với nguồn vốn khác: tập trung để phát triển sản xuất, cho các dự án phát triển các ngành mũi nhọn, then chốt tạo sản phẩm hàng hóa.

- Đối với các nguồn vốn bên ngoài: tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức trong và ngoài nước để đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm, ưu tiên cho hạ tầng nông thôn, chú ý đầu tư cho xã nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.

- Có cơ chế, chính sách để động viên, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn phát triển kinh tế, nhất là phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn nông thôn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

3. Giải pháp về quy hoạch

Đưa công tác quy hoạch vào nề nếp, trở thành công cụ đặc lực của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế. Triển khai phân cấp công tác lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và giám sát quy hoạch. Thực hiện công tác đầu tư theo quy hoạch, phù hợp với khả năng cân đối về vốn và các nguồn lực khác.

4. Đổi mới, sắp xếp và phát triển các thành phần kinh tế

Thực hiện tốt Luật Doanh nghiệp; giải quyết khó khăn tài chính của doanh nghiệp; sắp xếp tổ chức sản xuất đối với các lâm trường quốc doanh. Nghiên cứu, ban hành một số chính sách ưu đãi phát triển một số ngành mũi nhọn; hoàn thiện chính sách phát triển công nghiệp, tạo môi trường thuận lợi, hấp dẫn nhà đầu tư. Khuyến khích các doanh nghiệp dân doanh phát triển.

5. Chính sách khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào các ngành sản xuất công, nông nghiệp, xây dựng và dịch vụ; nâng cao chất lượng công tác huấn luyện, chuyển giao công nghệ, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật. Chú trọng việc bảo vệ môi trường và giữ cân bằng sinh thái, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

6. Chính sách phát triển nguồn nhân lực

Coi trọng công tác giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí; có kế hoạch đào tạo lực lượng lao động phù hợp với định hướng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh; nâng cao hiệu quả sử dụng con người, tạo động lực kích thích con người phát huy sức lực, trí tuệ nhằm đem lại hiệu quả cao. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước.

7. Tăng cường hợp tác với các tỉnh và mở rộng thị trường

Tăng cường hợp tác kinh tế với các địa phương trong cả nước, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh, hình thành cơ chế riêng để kêu gọi các nhà đầu tư đến với Đắk Nông; xây dựng chương trình vận động nguồn vốn ODA, FDI ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng đô thị và nông thôn, y tế, giáo dục, xóa đói, giảm nghèo.

Quan tâm mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh. Nâng cao chất lượng, đổi mới mẫu mã sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường một cách ổn định; tăng cường công tác quảng bá và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm có thể mạnh xuất khẩu.

Điều 2. Quy hoạch này là định hướng, cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành, các dự án đầu tư trên địa bàn Tỉnh theo quy định.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong Quy hoạch, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định:

- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã, quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư, quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể, đồng bộ.

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

- Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung hoặc từng bước bố trí ưu tiên hợp lý.

- Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch này kịp thời, phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn quy hoạch.

Điều 4. Giao các Bộ, ngành Trung ương liên quan hỗ trợ Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông nghiên cứu lập các quy hoạch nói trên; nghiên cứu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong từng giai đoạn. Đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có tầm ảnh hưởng liên vùng và quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh đã được quyết định đầu tư. Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt việc điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án đầu tư được nêu trong Quy hoạch. Hỗ trợ Tỉnh tìm và bố trí các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH,
DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 161/2006/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. Các chương trình, dự án về công nghiệp

1. Khai thác bô-xít (huyện Đắk R'lấp);
2. Thủy điện TauSrah (huyện Krông Nô);
3. Thủy điện Đắk R'Tih (huyện Đắk R'lấp);
4. Thủy điện Đức Xuyên (huyện Krông Nô);
5. Thu hút các dự án công nghiệp vào Cụm công nghiệp Nhân Cơ;
6. Thu hút các dự án công nghiệp vào Cụm công nghiệp Đắk Ha - Đắk Nia;
7. Thu hút các dự án công nghiệp vào Khu công nghiệp Tâm Thắng;
8. Thu hút các dự án công nghiệp vào các cụm công nghiệp huyện.

II. Các chương trình, dự án ngành nông, lâm nghiệp

1. Dự án vùng lúa cao sản (huyện Krông Nô);
2. Dự án vùng cà phê tập trung (huyện Đắk Mil, Đắk R'lấp);
3. Dự án vùng trồng cao su tập trung (huyện Đắk R'lấp);
4. Dự án trồng điều nguyên liệu (huyện Đắk R'lấp, Đắk Mil);
5. Dự án nuôi bò tập trung (huyện Đắk Nông, Đắk R'lấp);
6. Trồng rừng nguyên liệu (các huyện).

III. Các chương trình, dự án phát triển kết cấu hạ tầng

1. Các chương trình, dự án xây dựng:
 - a) Xây dựng các khu hành chính của tỉnh, thị xã Gia Nghĩa và các huyện mới chia tách, thành lập mới;
 - b) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư đô thị Đông Bắc, thị xã Gia Nghĩa;
 - c) Khu dân cư đô thị Sùng Đức thị xã Gia Nghĩa;

d) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tâm Thắng, Nhân Cơ, Đắk Ha (huyện Cư Jút, Đắk R'lấp).

2. Các chương trình, dự án thủy lợi:

a) Xây dựng hồ trung tâm đô thị Gia Nghĩa (thị xã Gia Nghĩa);

b) Xây dựng hồ thủy lợi Đắk Rồ (huyện Krông Nô);

c) Công trình thủy lợi Đắk Dier (huyện Cư Jút).

3. Các chương trình, dự án giao thông:

a) Nâng cấp quốc lộ 28 (giai đoạn II - đoạn qua tỉnh);

b) Đường Hồ Chí Minh (giai đoạn II - đoạn qua tỉnh);

c) Cải tạo, nâng cấp các trục đường đô thị Gia Nghĩa (thị xã Gia Nghĩa);

d) Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 4;

đ) Đường nối quốc lộ 28 với tỉnh lộ 4;

e) Đường đến cửa khẩu Bu Prăng, Đắk Per, đường biên giới;

g) Giao thông nông thôn;

h) Xây dựng tuyến đường sắt Đắk Nông - Chơn Thành - Dĩ An - Thị Vải.

IV. Các chương trình, dự án Thương mại - Dịch vụ - Du lịch

1. Xây dựng Trung tâm thương mại Tỉnh (thị xã Gia Nghĩa);

2. Xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Đắk Per (huyện Đắk Mil);

3. Xây dựng chợ cửa khẩu biên giới Bu Prăng (huyện Đắk R'lấp);

4. Khu du lịch sinh thái Đắk N'tao (huyện Đắk Song);

5. Làng văn hóa đồng bào M'ng (huyện Đắk Song);

6. Khu du lịch văn hóa sinh thái Liêng Nung;

7. Khu du lịch sinh thái cụm thác Gấu - thác Gầm - cao nguyên RBout;

8. Khu du lịch sinh thái cụm thác Dray Sáp - Gia Long - Trinh Nữ (huyện Cư Jút, Krông Nô);

9. Khu du lịch hồ Ea SNô (huyện Krông Nô);

10. Khu du lịch suối khoáng nước nóng (huyện Đắk Song);

11. Khu du lịch sinh thái thác Đắk R'lung (huyện Đắk R'lấp);

12. Khu du lịch Hồ Tây (huyện Đắc Mil).

V. Các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực xã hội

1. Phát triển hạ tầng nông thôn, giảm nghèo, tạo việc làm;
2. Chương trình phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe;
3. Chương trình phát triển giáo dục - đào tạo;
4. Chương trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường;
5. Các công trình công cộng.

* **Ghi chú:** về vị trí, quy mô diện tích chiếm đất và tổng mức đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.